

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 7 – 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang.

2. Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên toà: Ông Châu Sơn Ca – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2025/TLST - HNGĐ ngày 07/7/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Mỹ B, xã Phú T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Mỹ B, xã Phú T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2025, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu về điều kiện kinh tế gia đình dẫn đến anh, chị bất đồng ý kiến, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Nay cả anh chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn.

Về con chung là Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 10/02/2004 và Nguyễn Hoàng Lộc, sinh ngày 08/5/2006. Hiện các con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, anh chị không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung, chị Lê Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị Lê Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn T1 khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Xét mâu thuẫn thực tế được các đương sự thừa nhận là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên, các đương sự không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, do quan hệ hôn nhân giữa các đương sự có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân trên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[2] Về con chung là Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 10/02/2004 và Nguyễn Hoàng Lộc, sinh ngày 08/5/2006. Hiện các con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, các đương sự không đặt ra yêu cầu gì về con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung, các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa chị Lê Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung là Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 10/02/2004 và Nguyễn Hoàng Lộc, sinh ngày 08/5/2006. Hiện các con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên chị Lê Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu gì về con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, chị Lê Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, chị Lê Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn T1 khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lê Thị Tuyết T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 07/7/2025, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0000344 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân